

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc L Tự do – Hạnh Phúc**

*Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10 tháng 9 năm 2020  
V/v: ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh
- *Các hội thẩm nhân dân:*
  - Bà Đoàn Huyền Trang
  - Bà Nguyễn Thị Hương Bình

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Vi - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Cam T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt
2. Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn Xuân L, xã Cam T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:*

- Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Trần Văn V tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2012 tại UBND xã Cam T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 114 quyển số 01/2012 ngày 26/11/2012. Bà L và ông V xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014. Nguyên nhân ông V không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, một mình bà L phải trang trải kinh tế trong gia đình. Từ đó, cuộc sống vợ chồng bất hòa, hay kình cãi. Bà L đã góp ý rất nhiều lần nhưng ông V không thay đổi, hai bên sống ly thân từ tháng 02/2020. Nay bà L không còn tình cảm với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông V có hai con chung là Trần Nguyễn Kim T, sinh ngày 01/6/2013 và Trần Tuấn K, sinh ngày 28/5/2015. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2020, bị đơn ông Trần Văn V trình bày:*

- Về yêu cầu ly hôn: Ông V thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian, địa điểm kết hôn. Ông V thừa nhận trong quá trình chung sống vì ông V ham chơi, không quan tâm đến vợ con, không có công việc ổn định dẫn đến vợ chồng hay kình cãi, gia đình luôn căng thẳng. Hai bên đã ly thân từ tháng 02/2020. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông V không đồng ý vì còn tình cảm với bà L.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông V có hai con chung là Trần Nguyễn Kim T, sinh ngày 01/6/2013 và Trần Tuấn K, sinh ngày 28/5/2015. Hai cháu đang sống với bà L, khi ly hôn ông V đồng ý giao hai cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Trần Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 03/9/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 19/8/2020 và ngày 10/9/2020 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà L và ông V tự nguyện kết hôn với nhau năm năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Cam T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 114 quyển số 01/2012 ngày 26/11/2012; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông V không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ dẫn đến thường xuyên kình cãi, không còn yêu thương nhau. Vợ chồng đã tự hòa giải, cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn; từ tháng 02 năm 2020 đến nay, bà L và ông V đã sống ly thân. Bà L xác định không còn tình cảm đối với ông V. Ông V không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà L; tuy nhiên không đưa ra được giải pháp cụ thể để hàn gắn gia đình và không có mặt khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông V.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông V có hai con chung là Trần Nguyễn Kim T, sinh ngày 01/6/2013 và Trần Tuấn K, sinh ngày 28/5/2015. Các cháu đang sống với bà L, cuộc sống đã ổn định và cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, ông V cũng đồng ý giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với ông Trần Văn V.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Nguyễn Kim T, sinh ngày 01/6/2013 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 28/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Tuyết L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Tuyết L không yêu cầu ông Trần Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Trần Văn V được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tiền số AA/2018/0008069 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Cam T;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Mỹ Hạnh**